

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/GPMT-UBND

Gia Lai, ngày 23 tháng 02 năm 2023

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai tại Văn bản số 1000/BQLDA-DD&CN ngày 16/11/2022 và Văn bản số 21/BQLDA-DD&CN ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai v/v giải trình, chỉnh sửa bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án Đầu tư, nâng cấp và mua sắm thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Đức Cơ và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Trung tâm y tế huyện Đức Cơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư, nâng cấp và mua sắm thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Đức Cơ tại tổ dân phố 5, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án: Đầu tư, nâng cấp và mua sắm thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Đức Cơ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố 5, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở

sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGD cấp huyện vào Trung tâm Y tế cùng cấp, tổ chức lại Ban y tế Dự phòng thuộc Trung tâm Y tế cấp huyện, sáp nhập bệnh viện đa khoa khu vực vào Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

- Quyết định số 132/QĐ-SYT ngày 14/02/2019 của Sở Y tế Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ để tiến hành hoạt động.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở khám chữa bệnh

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích dự án: 48.304,7 m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích xây dựng mới các hạng mục là 1.932,2 m<sup>2</sup>; diện tích nâng cấp, sửa chữa, cải tạo là 3.224 m<sup>2</sup>.

- Quy mô dự án: Tổng vốn đầu tư 52 tỷ thuộc dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô: 150 giường bệnh.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Trung tâm y tế huyện Đức Cơ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Trung tâm y tế huyện Đức Cơ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm

trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép)

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai, UBND huyện Đức Cơ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, Y tế;
- BQL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai;
- UBND huyện Đức Cơ;
- Trung tâm y tế huyện Đức Cơ;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Mah Tiệp**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73/GPMT-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải y tế.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước mưa của đường liên xã chảy ra suối Cạn. Khi hệ thống thu gom nước thải tập trung của huyện Đức Cơ được xây dựng trên tuyến đường liên xã thì nước thải của Trung tâm y tế sẽ thoát vào hệ thống mương thoát nước chung ở thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại mương thoát nước khu vực nằm tuyến đường liên xã thuộc thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ. Vị trí đầu nổi có tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$  như sau:

- Vị trí khi chưa có hệ thống thoát nước chung: X= 1526982; Y= 412284.
- Vị trí khi có hệ thống thoát nước chung X= 1527020; Y= 412347.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 110 m<sup>3</sup>/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được dẫn theo đường ống ra vị trí xả thải.
- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục mỗi ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B (K=1,2), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn giá trị cho phép QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5-8,5	03 tháng/ 1 lần	Không
2	COD	mg/l	120		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60		
4	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn giá trị cho phép QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
6	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,2		
12	Tổng colifoms	MPN/100 ml	5.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn rửa tay, sàn nhà vệ sinh sàn, bồn cầu, tắm rửa theo đường ống PVC tự chảy về bể tự hoại 3 ngăn, sau đó nước thải từ bể tự hoại 3 ngăn nối trực tiếp vào hệ thống thoát nước thải của trung tâm y tế dẫn về hệ thống xử lý nước thải y tế tập trung công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nước thải y tế là nước thải phát sinh từ rửa dụng cụ y tế phòng xét nghiệm, rửa tay sát trùng phòng mổ được thu gom bằng đường ống PVC tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B (K = 1,2) và theo hệ thống dẫn nước chảy vào mương thoát nước mưa của đường liên xã chảy ra suối Cạn. Khi hệ thống thu gom nước thải tập trung của huyện Đức Cơ được xây dựng trên tuyến đường liên xã thì nước thải của Trung tâm y tế sẽ thoát vào hệ thống mương thoát nước chung ở thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Toàn bộ nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải y tế được dẫn về bể thu gom (Thể tích 70 m<sup>3</sup>), sau đó được bơm chìm tự động vào 02 thiết bị hợp khối để xử lý.

+ Hợp khối 1 (công trình xử lý nước thải hiện trạng) với công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm; xử lý nước thải bằng công nghệ AAO kết hợp màng siêu vi lọc MBR qua các công đoạn xử lý gồm: bể điều hòa (bể lắng đợt 1) → bể lọc sinh học → bể lắng đợt 2 → khử trùng tại ngăn thu nước sau lắng → thải ra môi trường.

+ Hợp khối 2 (công trình đầu tư mới) với công suất thiết kế 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Kết cấu: Nhựa composite, kích thước thiết bị hợp khối DxRxH = 10,0m x 2,0m x 2,3m; nước thải được xử lý bằng công nghệ AAO kết hợp MBBR qua các công đoạn xử lý gồm: ngăn điều hòa → ngăn lọc kỵ khí → ngăn sinh học giá thể MBBR → ngăn lắng → ngăn lọc → ngăn khử trùng → thải ra môi trường.

Tổng công suất thiết kế của 02 hợp khối là 110 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh; Cloramin B.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Hệ thống xử lý nước thải y tế tập trung của Trung tâm y tế huyện Đức Cơ có công suất xử lý 110 m<sup>3</sup>/ngày có 2 hợp khối gồm: hợp khối 1 công suất xử lý 50m<sup>3</sup>/ngày và hợp khối 2 công suất xử lý 60 m<sup>3</sup>/ngày.

- Trường hợp cả 2 hợp khối cùng gặp sự cố. Lượng nước thải phát sinh là 57,7 m<sup>3</sup>/ngày sau khi dẫn về bể thu gom hiện trạng có thể tích là 70 m<sup>3</sup> (kích thước 7,0 x 3,8 x 2,7 (m), tọa độ: X = 1527012; Y = 412409) sẽ giữ lại bể bằng cách ngắt bơm dẫn nước về 2 hợp khối. Với dung tích 70 m<sup>3</sup>, bể thu gom có thể lưu chứa nước thải trong vòng 36 giờ chờ khắc phục sự cố.

- Trường hợp 1 trong 2 hợp khối gặp sự cố:

+ Trường hợp hợp khối 1 công suất xử lý 50 m<sup>3</sup>/ngày gặp sự cố tạm ngưng hoạt động thì toàn bộ nước thải với lưu lượng 57,7 m<sup>3</sup>/ngày sẽ được bơm qua hợp khối 2 (công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày) để xử lý;

+ Trường hợp hợp khối 2 công suất xử lý 60 m<sup>3</sup>/ngày gặp sự cố tạm ngưng hoạt động, lượng nước thải phát sinh 57,7 m<sup>3</sup>/ngày sẽ được xử lý tại hợp khối 1 công suất xử lý 50 m<sup>3</sup>/ngày, lượng nước còn lại khoảng 2,3 m<sup>3</sup>/ngày sẽ được lưu giữ tại bể thu gom (dung tích khoảng 70 m<sup>3</sup>, lưu được 30 ngày). Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được xử lý đảm bảo trước khi thải ra môi trường.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thay thế thiết bị.

- Luôn bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi sổ vận hành hàng ngày.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.



2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Hợp khối 1 công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Hợp khối 2 công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

Tổng công suất thiết kế của 02 hợp khối là 110 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

+ 01 Vị trí nước thải đầu vào hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ 01 Vị trí nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm y tế huyện Đức Cơ phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 1 ngày/lần. (Trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73/GPMT-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống khói lò đốt rác thải y tế.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng

**2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Nguồn số 01: Ống khói của lò đốt rác thải y tế, có tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $108^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$  như sau: X= 1507027; Y= 412414.
- Nguồn số 02: Ống khói máy phát điện dự phòng, có tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $108^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$  như sau: X = 1526908; Y = 412500.

**2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất**

- Nguồn 01: 20.000 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn 02: 196,97 m<sup>3</sup>/h.

**2.2.1. Phương thức xả thải: Gián đoạn**

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.**

- Nguồn 01: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế, cột B cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 02:2012/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	115	03 tháng/1 lần	Không
2	Axit clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	50		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300		
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300		
6	Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	0,5		
7	Cd	mg/Nm <sup>3</sup>	0,16		
8	Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	1,2		



STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 02:2012/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động (nếu có)
9	Tổng Dioxin/ Furan	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	2,3		

- Nguồn 02: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số Kp=1 và Kv= 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNM, cột B (Kp=1, Kv=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	-
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		
3	Nitơ oxit, tính theo NO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		

Ghi chú: (-): Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt rác y tế:

- Nguồn số 01: Xả thải ra môi trường qua ống khói lò đốt rác thải y tế.

Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải rắn y tế được thiết kế theo phương pháp lọc bụi ướt đồng thời qua đó dung môi sẽ hấp thụ một phần chất ô nhiễm.

- Nguồn số 02: Xả ra môi trường qua ống thải của máy phát điện dự phòng

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

STT	Công trình/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Buồng lưu nhiệt	Kích thước Ø550 x 1500L (mm), Bê tông chịu nhiệt, vỏ thép.	01 Hệ thống

STT	Công trình/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
2	Cyclon	Kích thước Ø550 x 1500H (mm), Bê tông chịu nhiệt, vỏ thép	01 Hệ thống
3	Tháp làm mát và xử lý bằng giàn phun sương	Kích thước Ø550 x 1500H (mm), Hộp kim thép không rỉ	01 Thiết bị
4	Bể lắng bụi	Bể lắng bê tông Mác 200, chống thấm, kích thước DxRxH= 4x2x1 (m), chia làm 02 vách ngăn.	01 bể
5	Ống khói	Vật liệu thép không rỉ, cao 20m, chân móng bê tông	01 Ống khói

Hóa chất, nhiên liệu sử dụng: dầu DO

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Nguồn số 01: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.
- Nguồn số 02: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công nhân vận hành lò đốt được đào tạo về chuyên môn và kỹ thuật an toàn, nắm vững đặc điểm, cấu tạo, quy trình vận hành, sự cố thường gặp và có biện pháp xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng lò đốt để phát hiện các sự cố và có biện pháp khắc phục hợp lý.

- Trong trường hợp lò đốt rác bị hỏng cần thay thế, toàn bộ chất thải được lưu tại nhà kho chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Lò đốt rác y tế công suất 25 kg/giờ.

+ Máy phát điện dự phòng: không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý khí thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí:

+ 01 vị trí tại ống khói lò đốt rác y tế.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm y tế huyện Đức Cơ phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của lò đốt chất rác thải y tế theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 1 ngày/lần (Trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Xả bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường

- Đối với lò đốt rác thải y tế, yêu cầu:

+ Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

+ Có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

+ Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Đối với máy phát điện dự phòng, yêu cầu:

+ Chỉ hoạt động khi xảy ra sự cố mất điện.

+ Sử dụng nhiên liệu sạch đúng tiêu chuẩn (dầu DO), ít phát sinh khí thải, lắp đặt ống khói vào máy phát điện theo đúng kỹ thuật nhằm tránh sự phát tán các khí độc hại ra ngoài môi trường.

+ Khu đặt máy phát điện được bố trí nằm cách xa khu vực khám bệnh và bố trí trong nhà kín, cách xa các phân khu chức năng.

- Trung tâm y tế huyện Đức Cơ chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73/GPMT-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực thiết bị quạt tại lò đốt rác y tế;
- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X (m) = 1507027; Y (m) = 412414.
- Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 1526908; Y (m) = 412500.

*Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ	Từ 18 giờ đến 6 giờ	
1	75	Mức nền	Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động như: các thiết bị bảo vệ tai, giới hạn thời gian làm việc tại những khu vực có tiếng ồn qua giới hạn cho phép.
- Khu đặt lò đốt rác, máy phát điện được đặt ở xa khu khám và điều trị bệnh, cuối hướng gió.
- Khu đặt máy phát điện được bố trí nằm cách xa khu vực khám bệnh và bố trí trong nhà kín, cách xa các phân khu chức năng.
- Lựa chọn trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, có kỹ thuật cao. Trang bị đế cao su để giảm độ rung, độ ồn.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73/GPMT-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/ngày)
<b>I</b>	<b>Chất thải nguy hại lây nhiễm</b>			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn là chất thải lây nhiễm có thể gây ra các vết cắt hoặc xuyên thủng bao gồm: Kim tiêm; bơm liềm kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu và các vật sắc nhọn khác;	Rắn	13 01 01	12
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; găng tay cao su, dây truyền dịch	Rắn	13 01 01	30
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm: Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm phát sinh từ các phòng xét nghiệm (phủ tạng cắt bỏ, rau thai,...);	Rắn	13 01 01	47
	<b>Tổng (I)</b>			<b>89</b>
<b>II</b>	<b>Chất thải nguy hại không lây nhiễm</b>			
1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (nước rửa phim,...)	Rắn/lỏng	13 01 02	4
2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất, hóa chất xét nghiệm	Rắn/lỏng	13 01 03	3
3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế..)	Rắn	13 03 02	3
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	2
5	Pin, ác quy thải bỏ	Rắn	16 01 12	3
6	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa	Rắn	18 01 01	1



	chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ, chứa các hóa chất độc hại) thải bỏ;			
7	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	18 01 04	3
8	Tro thải từ lò đốt chất thải rắn y tế	Rắn	04 02 01	10
9	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Lỏng	05 01 09	15
	<b>Tổng (II)</b>			<b>44</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 308 kg/ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 03 thùng nhựa 120l có nắp đậy màu vàng và dán nhãn đúng quy định trong kho để lưu trữ chất thải lây nhiễm.

- Bố trí 06 thùng nhựa 60l có nắp đậy màu đen và dán nhãn đúng quy định trong kho để lưu trữ chất thải nguy hại không lây nhiễm.

2.1.2. Kho lưu chứa:

+ Đối với chất thải y tế lây nhiễm (mã CTNH 13 01 01) được lưu chứa tại nhà chứa rác chờ đốt có diện tích 20 m<sup>2</sup>, kết cấu khung sắt giăng lưới B40, mái lợp tôn, nền bê tông. Tro, xỉ sau khi đốt thu gom lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại khác được thu gom, lưu giữ tại khu vực lưu chứa khoảng 4 m<sup>2</sup> bên trong nhà chứa chất thải (diện tích 16 m<sup>2</sup>), kết cấu tôn, khung thép, nền bê tông. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí tổng cộng 20 điểm thu gom rác thải tại các khu vực khám chữa bệnh và khu vực đường nội bộ. Mỗi điểm sẽ tiến hành bố trí 02 thùng chứa rác khác nhau (sử dụng thùng nhựa loại dung tích 240 lít, 120 lít và 60 lít – tùy từng khu vực để bố trí loại thùng thích hợp) để tiến hành phân loại rác thải ngay tại nguồn (1 thùng chứa các loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng tái chế, 1 thùng chứa các loại rác thải còn lại).

- Đối với các loại rác có khả năng tái sử dụng, tái chế được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương.

- Rác thải sinh hoạt sau khi thu gom được chứa tạm thời trong các thùng chứa (thùng rác loại 240L) có nắp đậy kín và được tập kết tại nhà chứa chất thải có

diện tích 16 m<sup>2</sup>. Sau đó, hợp đồng với Đội công trình giao thông và dịch vụ đô thị huyện Đức Cơ thu gom, xử lý với tần suất 02 lần/tuần.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế và chất thải nguy hại theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT. Khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng lò đốt đảm bảo quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy;



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73/GPMT-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Trung tâm y tế huyện Đức Cơ thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn xây dựng và vận hành cho đến khi kết thúc dự án.
- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo đúng quy định.
- Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo đúng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
- Cam kết quản lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Cam kết công khai giấy phép môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Cam kết cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
- Cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.
- Cam kết vận hành thường xuyên, liên tục và bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải y tế tập trung đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - cột B (k = 1,2) và hệ thống lò đốt rác thải y tế đảm bảo khí thải sau lò đốt đạt QCVN 02:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế, cột B trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp chất lượng nước thải, khí thải sau xử lý không đạt chủ đầu tư sẽ đầu tư nâng cấp, bổ sung công trình xử lý, đảm bảo nước thải, khí thải xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - cột B (k = 1,2) và QCVN 02:2012/BTNMT (cột B).

